

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Gang thép được thành lập từ việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ngày 17/08/2006. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600479367 (số cũ: 1703000257) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 02 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Cương	Chủ tịch	
Ông Vũ Hồng Minh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 09/04/2018)
Ông Bùi Thái Sơn	Ủy viên	
Ông Trần Duy Cường	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 09/04/2018 do hết nhiệm kỳ)
Ông Trần Văn Toàn	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 09/04/2018 do hết nhiệm kỳ)
Ông Phạm Như Đáo	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 09/04/2018 do hết nhiệm kỳ)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Thái Sơn	Giám đốc
Ông Phan Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Phạm Như Đáo	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Hữu Quý	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Quốc Phòng	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Huyền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/04/2018 do hết nhiệm kỳ)
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

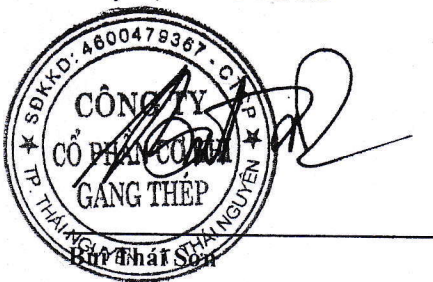
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2019



Số: 260219.013/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Gang Thép được lập ngày 15 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		265.381.198.543	145.080.008.597
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.126.691.689	7.589.598.772
111	1. Tiền		1.126.691.689	7.589.598.772
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		145.545.855.281	54.528.857.368
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	138.018.268.677	52.061.163.281
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.201.123.036	2.374.817.193
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.457.757.251	1.230.488.577
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.131.293.683)	(1.137.611.683)
140	IV. Hàng tồn kho	9	116.534.007.183	81.142.527.458
141	1. Hàng tồn kho		116.534.007.183	81.142.527.458
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.174.644.390	1.819.024.999
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.444.414.320	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		730.022.360	1.816.727.001
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	207.710	2.297.998
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		91.128.566.681	52.450.143.738
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	50.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		80.798.613.604	42.993.351.964
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	80.764.613.592	42.942.351.948
222	- Nguyên giá		143.999.691.742	98.293.931.303
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(63.235.078.150)	(55.351.579.355)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	34.000.012	51.000.016
228	- Nguyên giá		85.000.000	85.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.999.988)	(33.999.984)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	3.461.381.454	595.611.089
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.461.381.454	595.611.089
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.020.000.000	2.020.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.020.000.000	2.020.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.798.571.623	6.841.180.685
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.798.571.623	6.841.180.685
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		356.509.765.224	197.530.152.335

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉPTổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

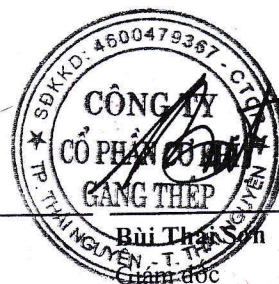
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		289.758.231.571	165.095.212.993
310	I. Nợ ngắn hạn		263.749.533.359	165.095.212.993
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	101.188.092.220	88.840.943.837
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	801.230.805	1.036.232.358
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.590.789.957	254.561.522
314	4. Phải trả người lao động		3.790.511.851	4.339.095.918
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	202.155.000	12.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	673.743.249	321.426.150
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	155.445.398.865	70.233.341.796
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		57.611.412	57.611.412
330	II. Nợ dài hạn		26.008.698.212	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	26.008.698.212	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		66.751.533.653	32.434.939.342
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	66.751.533.653	32.434.939.342
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	30.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	30.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		17.866.941.057	17.866.941.057
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.115.407.404)	(15.432.001.715)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(15.432.001.715)	(23.519.352.698)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		14.316.594.311	8.087.350.983
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		356.509.765.224	197.530.152.335

Trần Thị Minh Huệ
Người lậpTrần Thị Minh Huệ
Kế toán trưởngBùi Thị Sơn
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	879.493.244.310	591.232.298.738
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	997.722.000	44.503.823
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		878.495.522.310	591.187.794.915
11	4. Giá vốn hàng bán	23	845.924.138.012	573.735.733.477
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.571.384.298	17.452.061.438
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	9.362.450	8.983.830
22	7. Chi phí tài chính	25	7.932.454.342	3.608.085.004
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.932.454.342	3.608.085.004
25	8. Chi phí bán hàng	26	1.809.202.740	1.573.094.983
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	7.827.582.507	4.931.609.140
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.011.507.159	7.348.256.141
31	11. Thu nhập khác	28	1.316.585.049	882.815.000
32	12. Chi phí khác	29	420.852.940	143.720.158
40	13. Lợi nhuận khác		895.732.109	739.094.842
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.907.239.268	8.087.350.983
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.590.644.957	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.316.594.311</u>	<u>8.087.350.983</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.916	2.696

Trần Thị Minh Huệ
Người lập

Trần Thị Minh Huệ
Kế toán trưởng

Bùi Thái Sơn
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.907.239.268	8.087.350.983
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.790.620.291	3.260.185.033
03	- Các khoản dự phòng		(6.318.000)	20.024.785
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(202.543.863)	(8.983.830)
06	- Chi phí lãi vay		7.932.454.342	3.608.085.004
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.421.452.038	14.966.661.975
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(89.971.884.984)	(2.838.739.589)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(35.391.479.725)	(21.733.146.610)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.649.463.340	18.385.356.216
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		598.194.742	2.406.560.367
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.730.299.342)	(3.608.085.004)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(87.424.553.931)	7.578.607.355
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(50.670.710.883)	(20.350.029.584)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		402.240.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.362.450	8.983.830
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(50.259.108.433)	(20.341.045.754)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	10.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		858.345.451.186	476.535.406.663
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(747.124.695.905)	(468.205.771.466)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		131.220.755.281	18.329.635.197
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.462.907.083)	5.567.196.798
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.589.598.772	2.022.401.974
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.126.691.689	7.589.598.772


Trần Thị Minh Huệ
Người lập


Trần Thị Minh Huệ
Kế toán trưởng



Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Gang thép được thành lập từ việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ngày 17/08/2006. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600479367 (số cũ: 1703000257) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 02 tháng 05 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 50.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 50.000.000.000 đồng; tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành cơ khí luyện kim;
- Bán buôn sắt thép, gang, kim loại màu và chế phẩm kim loại;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị máy móc ngành cơ khí luyện kim;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CH
NG
A
NK

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	154.853.942	70.834.459
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	971.837.747	7.518.764.313
	<u>1.126.691.689</u>	<u>7.589.598.772</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (200.000 CP)	2.020.000.000	-	2.020.000.000	-
	<u>2.020.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.020.000.000</u>	<u>-</u>

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	1.072.585.140	(1.072.585.140)	1.072.585.140	(1.072.585.140)
Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico	2.056.176.100	-	243.882.100	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	126.123.234.091	-	42.841.967.715	-
Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	4.447.696.000	-	2.612.948.742	-
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.866.424.326	-	2.961.603.971	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.452.153.020	(58.708.543)	2.328.175.613	(65.026.543)
	<u>138.018.268.677</u>	<u>(1.131.293.683)</u>	<u>52.061.163.281</u>	<u>(1.137.611.683)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	-	-	500.792.000	-
Công ty TNHH Hương Sơn	40.000.000	-	801.078.590	-
Công ty TNHH OMI Việt Nam	-	-	343.475.000	-
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	78.100.000	-	435.600.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Thép xây dựng Hà Nội	1.147.200.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Phúc	2.803.391.250	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và Thương mại Huy Hào	1.008.390.008	-	122.747.615	-
Trả trước cho người bán khác	1.124.041.778	-	171.123.988	-
	6.201.123.036	-	2.374.817.193	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	6.845.055	-	23.445.677	-
Tạm ứng	65.783.570	-	1.201.299.681	-
Thuế GTGT hàng đang đi đường chưa đủ điều kiện khấu trừ	2.364.427.110	-	-	-
Phải thu khác	20.701.516	-	5.743.219	-
	2.457.757.251	-	1.230.488.577	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	1.072.585.140	-	1.072.585.140	-
- Các khoản phải thu khác	61.142.458	2.433.915	147.378.458	82.351.915
	1.133.727.598	2.433.915	1.219.963.598	82.351.915

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	23.644.271.102	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.819.146.698	-	49.277.586.945	-
Công cụ, dụng cụ	604.129.636	-	308.155.551	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.696.359.555	-	3.249.501.593	-
Thành phẩm	54.655.989.692	-	28.221.372.869	-
Hàng hoá	114.110.500	-	85.910.500	-
	116.534.007.183	-	81.142.527.458	-

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.424.017.444	-
- Dự án cải tạo khuôn viên Văn phòng Công ty	1.372.099.911	-
- Dự án lắp đặt nhà chứa liệu	147.335.959	-
- Dự án nâng cấp nhà văn phòng	663.835.538	-
- Dự án hệ thống hút bụi	240.746.036	-
Mua sắm tài sản cố định	877.337.010	595.611.089
- Lắp đặt sản xuất Phôi kim	202.337.010	202.337.010
- Lò nung phôi trung tần	345.000.000	345.000.000
- Máy ép liệu	-	48.274.079
- Xe con cầu trục	330.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	160.027.000	-
- Sửa chữa máy phun bi	87.580.000	-
- Sửa chữa nhà rên	72.447.000	-
	3.461.381.454	595.611.089

D. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.467.153.368	73.813.625.553	6.926.207.071	807.296.778	279.648.533	98.293.931.303
- Mua trong năm	-	42.109.561.977	5.435.728.541	259.650.000	-	47.804.940.518
- Thanh lý, nhượng bán	(108.128.000)	(1.906.700.940)	-	-	(84.351.139)	(2.099.180.079)
Số dư cuối năm	16.359.025.368	114.016.486.590	12.361.935.612	1.066.946.778	195.297.394	143.999.691.742
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.045.839.774	35.828.173.926	4.502.589.514	695.327.608	279.648.533	55.351.579.355
- Khấu hao trong năm	262.607.172	8.594.354.244	876.133.883	40.524.988	-	9.773.620.287
- Thanh lý, nhượng bán	(108.128.000)	(1.697.642.353)	-	-	(84.351.139)	(1.890.121.492)
Số dư cuối năm	14.200.318.946	42.724.885.817	5.378.723.397	735.852.596	195.297.394	63.235.078.150
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	2.421.313.594	37.985.451.627	2.423.617.557	111.969.170	-	42.942.351.948
Tại ngày cuối năm	2.158.706.422	71.291.600.773	6.983.212.215	331.094.182	-	80.764.613.592

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 80.165.975.959 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.733.317.241 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán với nguyên giá là 85.000.000 đồng, khấu hao lũy kế đến 31/12/2018 là 50.999.988 đồng, khấu hao trong năm 2018 là 17.000.004 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	145.005.683	-
Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng	1.299.408.637	-
	1.444.414.320	-
b) Dài hạn		
Ko-kín cho tiêu hao	712.563.363	719.258.457
Thùng xi, tấm đáy, tấm đế thùng xi	5.573.508	95.920.664
Phụ kiện, công cụ, dụng cụ đúc rót	2.521.280.799	3.334.608.568
Gạch chịu lửa, phụ kiện khác	546.154.353	1.251.496.440
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.012.999.600	1.439.896.556
	4.798.571.623	6.841.180.685

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Đại Việt	42.784.826.285	42.784.826.285	62.089.325.125	62.089.325.125
Công ty TNHH Thép Tùng Anh	10.778.446.483	10.778.446.483	4.112.788.559	4.112.788.559
Công ty TNHH Thương mại Thành Đạt	6.474.470.124	6.474.470.124	3.405.875.331	3.405.875.331
Phải trả các đối tượng khác	41.150.349.328	41.150.349.328	19.232.954.822	19.232.954.822
	101.188.092.220	101.188.092.220	88.840.943.837	88.840.943.837

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
VNK Steel Company	-	200.016.628
Công ty TNHH Cán thép Việt - Nga	117.248.800	117.248.800
Công ty Cổ phần Luyện gang Vạn Lợi	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Inox Châu Âu	150.000.000	150.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	383.982.005	418.966.930

TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.129.055.538	1.129.055.538	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.590.644.957	-	-	1.590.644.957
Thuế Thu nhập cá nhân	2.297.998	-	17.517.067	15.426.779	207.710	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	254.416.522	272.044.617	526.461.139	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	145.000	-	-	-	145.000
	2.297.998	254.561.522	3.012.262.179	1.673.943.456	207.710	1.590.789.957

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	202.155.000	-
Chi phí phải trả khác	-	12.000.000
	202.155.000	12.000.000

PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phí công đoàn	202.543.594	142.607.884
Các khoản phải trả, phải nộp khác	471.199.655	178.818.266
	673.743.249	321.426.150

TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

VAY

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên ⁽¹⁾	70.233.341.796	70.233.341.796	772.488.525.301	706.114.388.108	136.607.478.989	136.607.478.989
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên ⁽²⁾	-	-	54.508.227.673	39.510.307.797	14.997.919.876	14.997.919.876
Vay cá nhân ⁽³⁾	-	-	5.340.000.000	1.500.000.000	3.840.000.000	3.840.000.000
	70.233.341.796	70.233.341.796	832.336.752.974	747.124.695.905	155.445.398.865	155.445.398.865
Vay dài hạn						
Vay cá nhân ⁽⁴⁾	-	-	26.008.698.212	-	26.008.698.212	26.008.698.212
	-	-	26.008.698.212	-	26.008.698.212	26.008.698.212
hoàn nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
hoàn nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	26.008.698.212	26.008.698.212

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/4069191/HĐTD ngày 18/04/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 138.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 30/04/2019;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể cho từng giấy nhận nợ;
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 183/18/HĐTD/TN ngày 14/06/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể cho từng giấy nhận nợ;
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(3) Các khoản vay cá nhân ngắn hạn là khoản vay cán bộ, công nhân viên trong Công ty có kỳ hạn từ 03 tháng đến 06 tháng, lãi suất từ 7,2%/năm đến 7,5%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(4) Các khoản vay cá nhân dài hạn là khoản vay cán bộ, công nhân viên trong Công ty có kỳ hạn trên 12 tháng không tính lãi suất với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

TRAC
HAN
DAN

TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

ÔN CHỦ SỞ HỮU

ảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
ố dư đầu năm trước	20.000.000.000	17.866.941.057	(23.519.352.698)	14.347.588.359
ăng vốn trong năm trước	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
ãi trong năm trước	-	-	8.087.350.983	8.087.350.983
ố dư cuối năm trước	30.000.000.000	17.866.941.057	(15.432.001.715)	32.434.939.342
ố dư đầu năm nay	30.000.000.000	17.866.941.057	(15.432.001.715)	32.434.939.342
ăng vốn trong năm nay^(*)	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
ãi trong năm nay	-	-	14.316.594.311	14.316.594.311
ố dư cuối năm nay	50.000.000.000	17.866.941.057	(1.115.407.404)	66.751.533.653

) Trong năm 2018, Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 355NQ/ĐHĐCĐ ngày 27/12/2017 chi tiết như sau:

Số lượng cổ phiếu phát hành thêm tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm: 2.000.000 cổ phiếu;

Hình thức phát hành: phát hành riêng lẻ bằng tiền với giá bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Đối tượng được phân phối: Thành viên Hội đồng Quản trị;

Ngày phát hành hoàn thành: 31/01/2018;

Tình hình sử dụng vốn đã góp phù hợp với mục đích tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

hi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
ông ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	4.194.860.000	8,39%	4.194.860.000	13,98%
ng Vũ Hồng Cường	37.952.520.000	75,91%	17.357.020.000	57,86%
ng Trần Duy Cường	2.755.420.000	5,51%	2.755.420.000	9,18%
ồn góp của cổ đông khác	5.097.200.000	10,19%	5.692.700.000	18,98%
	50.000.000.000	100%	30.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	20.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	30.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.866.941.057	17.866.941.057
	17.866.941.057	17.866.941.057

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	840.822.377.478	256.409.363.822
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, vật tư	38.670.866.832	334.822.934.916
	879.493.244.310	591.232.298.738

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	997.722.000	44.503.823
	997.722.000	44.503.823

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư đã bán	808.466.102.840	244.791.034.935
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.458.035.172	328.944.698.542

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.362.450	8.983.830
	9.362.450	8.983.830

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.932.454.342	3.608.085.004
	7.932.454.342	3.608.085.004

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.190.506	1.163.174.264
Chi phí khác bằng tiền	346.012.234	409.920.719
	1.809.202.740	1.573.094.983

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	362.354.741	187.260.708
Chi phí nhân công	4.119.507.667	2.688.982.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.405.208	20.405.208
Thuế, phí, lệ phí	20.628.095	10.477.466
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	(6.318.000)	20.024.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.316.359.625	701.912.137
Chi phí khác bằng tiền	1.994.645.171	1.302.546.502
	7.827.582.507	4.931.609.140

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	193.181.413	-
Phế liệu thu hồi	1.123.403.636	862.565.000
Thu nhập khác	-	20.250.000
	1.316.585.049	882.815.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi trợ cấp thôi việc cho người lao động chấm dứt HĐLĐ	330.357.165	-
Các khoản bị phạt	38.354.605	57.073.753
Chi phí khác	52.141.170	86.646.405
	420.852.940	143.720.158

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.907.239.268	8.087.350.983
Các khoản điều chỉnh tăng	420.852.940	307.912.852
- Chi phí không hợp lệ	420.852.940	307.912.852
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.374.867.424)	(8.395.263.835)
- Chuyển lỗ các năm trước	(8.374.867.424)	(8.395.263.835)
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.953.224.784	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.590.644.957	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.590.644.957	-

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.316.594.311	8.087.350.983
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.316.594.311	8.087.350.983
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.908.846	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.916	2.696

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	779.871.066.002	219.986.580.874
Chi phí nhân công	42.417.968.502	26.108.570.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.790.620.291	3.260.185.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.560.006.430	6.353.055.925
Chi phí khác bằng tiền	3.344.701.647	2.864.739.550
	844.984.362.872	258.573.131.882

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán		
		31/12/2018	01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.126.691.689	-	7.589.598.772	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	140.526.025.928	(1.131.293.683)	53.291.651.858	(1.137.611.683)
Đầu tư dài hạn	2.020.000.000	-	2.020.000.000	-
	143.672.717.617	(1.131.293.683)	62.901.250.630	(1.137.611.683)

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		181.454.097.077	70.233.341.796
Phải trả người bán, phải trả khác		101.861.835.469	89.162.369.987
Chi phí phải trả		202.155.000	12.000.000
		283.518.087.546	159.407.711.783

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư dài hạn	2.020.000.000	-	-	2.020.000.000
	<u>2.020.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.020.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	2.020.000.000	-	-	2.020.000.000
	<u>2.020.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.020.000.000</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.126.691.689	-	-	1.126.691.689
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139.344.732.245	50.000.000	-	139.394.732.245
	140.471.423.934	50.000.000	-	140.521.423.934
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.589.598.772	-	-	7.589.598.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.154.040.175	-	-	52.154.040.175
	59.743.638.947	-	-	59.743.638.947

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	155.445.398.865	26.008.698.212	-	181.454.097.077
Phải trả người bán, phải trả khác	101.861.835.469	-	-	101.861.835.469
Chi phí phải trả	202.155.000	-	-	202.155.000
	257.509.389.334	26.008.698.212	-	283.518.087.546
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	70.233.341.796	-	-	70.233.341.796
Phải trả người bán, phải trả khác	89.162.369.987	-	-	89.162.369.987
Chi phí phải trả	12.000.000	-	-	12.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ GANG THÉP

Tổ 21, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.889.890.186	1.097.993.796

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Trần Thị Minh Huệ
Người lập


Trần Thị Minh Huệ
Kế toán trưởng




Bùi Thị Sơn
Chủ tịch Hội đồng

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 01 năm 2019

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 – (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 03, Tòa nhà Galaxy 9, số 09 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 04, Hồ Chí Minh

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh